

Bản án số 139/2018/HNGĐ- ST
Ngày 30/11/2018
V/v: Ly hôn giữa chị H với anh Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc.
2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 355/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc: “Ly hôn giữa chị Miên với anh Tùng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2017/QĐXX- ST ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N 2, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Năm 2006, chị kết hôn với anh Phạm Văn Đ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh A. Trước khi kết hôn chị và anh Đ có được tự nguyện tìm hiểu. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh Đ ngay. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất Đ về quan điểm trong sinh hoạt gia đình cũng như trong làm ăn kinh tế. Chị và anh Đ sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh từ năm 2010 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Đ đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phạm Văn Đ trình về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian anh và chị H sống ly thân như chị H đã trình bày. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H đã hết, chị H xin ly hôn, anh Đ ý.

Về con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội Đ xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội Đ xét xử giải quyết cho chị Phạm Thị H, ly hôn anh Phạm Văn Đ. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội Đ xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Phạm Văn Đ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh A ngày 21/6/2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất Đ về quan điểm sống. Chị H và anh Đ sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H và anh Đ ly hôn.

[3]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. *Về án phí*: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 Đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 Đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003356 ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về kháng cáo*: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã X, huyện B, tỉnh

A;

- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân

Bản án số 139/2018/HNGĐ- ST
Ngày 30/11/2018
V/v: Ly hôn giữa chị H với anh Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc.
2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 355/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc: “Ly hôn giữa chị Miên với anh Tùng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2017/QĐXX- ST ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N 2, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Năm 2006, chị kết hôn với anh Phạm Văn Đ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh A. Trước khi kết hôn chị và anh Đ có được tự nguyện tìm hiểu. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh Đ ngay. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất Đ về quan điểm trong sinh hoạt gia đình cũng như trong làm ăn kinh tế. Chị và anh Đ sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh từ năm 2010 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Đ đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phạm Văn Đ trình về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian anh và chị H sống ly thân như chị H đã trình bày. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H đã hết, chị H xin ly hôn, anh Đ ý.

Về con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội Đ xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội Đ xét xử giải quyết cho chị Phạm Thị H, ly hôn anh Phạm Văn Đ. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội Đ xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Phạm Văn Đ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh A ngày 21/6/2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất Đ về quan điểm sống. Chị H và anh Đ sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H và anh Đ ly hôn.

[3]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. *Về án phí*: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 Đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 Đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003356 ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về kháng cáo*: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân